

Số: 09/2025/CBTT-911

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

Mã chứng khoán: NO1

Địa chỉ: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0246.686.0911

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Sơn Đăng - Người được ủy quyền CBTT

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 31/03/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 xin được trân trọng thông báo toàn văn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Công văn số 3103/2025/CV-BCKD ngày 31/03/2025 về việc Giải trình lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính năm 2024 chênh lệch từ 5% trước và sau kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <https://911group.com.vn/> mục “Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin”.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN 911
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀNG SƠN ĐĂNG

Số: 3103/2025/CV-BCKD

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính năm 2024 chênh lệch từ 5% trước và sau kiểm toán

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần tập đoàn 911 xin được giải trình về lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	BCTC quý 4 - lũy kế cả năm 2024	BCTC kiểm toán năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
	1	2	3=1-2	4=3/2
Lợi nhuận sau thuế	19.614.889.428	18.034.938.891	(1.579.950.537)	8,05

Theo số liệu thống kê trên báo cáo tài chính tự lập quý IV năm 2024 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024, lợi nhuận sau thuế có sự chênh lệch giảm 1,58 tỷ - tương đương 8,05%. Nguyên nhân chính dẫn đến sự chênh lệch này là do phần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền: 1,58 tỷ.

Trên đây là giải trình nguyên nhân chính dẫn đến việc thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2024 trên báo cáo tài chính tự lập quý 4 năm 2024 thay đổi từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần tập đoàn 911.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *Hưu*

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS (để b/c);
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN MẠNH HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 42



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn 911 (tên tiếng Anh và tên viết tắt là 911 GROUP JSC), tiền thân là Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Nền Móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240.000.000.000 VND.

Mã chứng khoán: Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là NO1.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng; máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	13/02/2025	
	Phó chủ tịch HĐQT	23/11/2024	
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT	23/11/2024	
Ông Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT		23/11/2024
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT – Phó TGD		22/06/2024
	Chủ tịch HĐQT	23/11/2024	13/02/2025
Ông Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	12/04/2024	
Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT		

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS		22/06/2024
Bà Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS	22/06/2024	
Bà Lê Thị Loan	Thành viên BKS	30/06/2023	
Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên BKS	22/06/2024	
Bà Lưu Thị Kim Dung	Thành viên BKS		22/06/2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS		30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Đạt	Tổng Giám đốc		12/04/2024
Ông Nghiêm Đức Thuần	Phó Tổng giám đốc	12/04/2024	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2024	08/03/2025
Ông Hoàng Sơn Đăng	Kế toán trưởng	31/05/2024	08/03/2025
Bà Đoàn Thị Loan	Kế toán trưởng	08/03/2025	
Bà Nguyễn Thị Thúy	Kế toán trưởng		31/05/2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Hải – Chủ tịch HĐQT.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Số: 165/2025/BCKT-HCM.01517

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần cho báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 03 năm 2024.



TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458.760.647.718	320.556.511.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	105.537.221.329	47.065.827.923
Tiền	111		18.491.431.627	23.277.600.520
Các khoản tương đương tiền	112		87.045.789.702	23.788.227.403
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.076.975.267	96.657.039.267
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	84.076.975.267	96.657.039.267
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.309.018.552	49.242.214.937
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.420.519.244	26.979.482.619
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	20.239.682.924	15.249.959.089
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	26.648.816.384	7.012.773.229
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	176.197.989.059	127.420.306.394
Hàng tồn kho	141		177.784.424.016	127.420.306.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.586.434.957)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.639.443.511	171.122.479
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.348.146.112	171.122.479
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.291.297.399	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.970.944.907	117.910.893.077
Các khoản phải thu dài hạn	210		618.709.500	976.696.900
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	618.709.500	976.696.900
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		26.994.218.117	86.658.295.591
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	19.172.694.004	27.382.411.127
Nguyên giá	222		52.416.645.622	69.917.314.188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.243.951.618)	(42.534.903.061)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	7.821.524.113	13.765.113.114
Nguyên giá	225		8.998.504.876	16.243.959.421
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.176.980.763)	(2.478.846.307)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	45.510.771.350
Nguyên giá	228		64.395.000	45.564.395.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.395.000)	(53.623.650)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	30.000.000.000	30.000.000.000
Nguyên giá	231		30.000.000.000	30.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		815.982.407	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	815.982.407	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.542.034.883	275.900.586
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20.542.034.883	275.900.586
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		537.731.592.625	438.467.404.077

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		223.142.201.135	129.912.951.478
Nợ ngắn hạn	310		220.365.727.846	123.030.116.979
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.13	136.808.326.930	30.542.195.134
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	23.951.710.900	24.784.346.864
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.246.864.660	6.250.939.075
Phải trả người lao động	314	5.16	357.959.000	691.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	68.827.988	120.158.580
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	-	3.770.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	51.932.038.368	56.871.477.326
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		2.776.473.289	6.882.834.499
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2.776.473.289	6.882.834.499
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.589.391.490	308.554.452.599
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	314.589.391.490	308.554.452.599
Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.589.391.490	68.554.452.599
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.554.452.599	51.644.537.910
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.034.938.891	16.909.914.689
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		537.731.592.625	438.467.404.077

ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập

ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dục 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	802.345.438.436	611.497.370.615
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		802.345.438.436	611.497.370.615
Giá vốn hàng bán	11	6.2	749.216.646.115	576.670.582.359
Lợi nhuận gộp	20		53.128.792.321	34.826.788.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.136.856.747	37.533.647.597
Chi phí tài chính	22	6.4	11.827.320.121	23.892.818.532
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.011.264.093</i>	<i>10.452.326.525</i>
Chi phí bán hàng	24	6.5	15.177.370.850	9.428.906.975
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	18.738.577.590	19.116.579.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		23.522.380.507	19.922.131.114
Thu nhập khác	31	6.7	1.329.890.050	1.993.847.659
Chi phí khác	32	6.8	1.146.371.981	663.450.247
Lợi nhuận khác	40		183.518.069	1.330.397.412
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.705.898.576	21.252.528.526
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	5.670.959.685	4.342.613.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.034.938.891	16.909.914.689
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	751	705



ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập



ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.705.898.576	21.252.528.526
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.852.465.523	14.103.010.709
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.586.434.957	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(8.959.001.188)	(8.115.274.221)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.654.927.473)	(29.845.651.495)
Chi phí lãi vay	06	5.011.264.093	10.452.326.525
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	22.542.134.488	7.846.940.044
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(42.000.113.614)	63.892.931.789
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(50.364.117.622)	24.111.708.864
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	111.510.525.626	(677.597.538.069)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(21.443.157.930)	690.934.948
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.062.594.685)	(10.572.485.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.252.613.837)	(10.769.268.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.930.062.426	(602.396.776.046)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.521.225.818)	(3.145.187.444)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	53.052.272.726	19.699.629.629
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.388.512.000)	(170.008.993.613)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	84.968.576.000	769.564.954.346
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.329.811.037	27.740.642.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.440.921.945	643.851.045.281

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	183.677.755.721	212.368.428.680
Tiền trả nợ gốc vay	34	(186.977.486.107)	(217.693.420.133)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.746.069.782)	(16.152.887.990)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.853.872.500)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.899.672.668)	(33.477.879.443)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	58.471.311.703	7.976.389.792
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	47.065.827.923	39.010.097.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	81.703	79.340.143
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	105.537.221.329	47.065.827.923



ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập



ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (tên tiếng Anh và tên viết tắt là 911 GROUP JSC), tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết Bị Nền Móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240.000.000.000 VND.

Mã chứng khoán: Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là NO1.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng; máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 - Chi nhánh Đồng Nai	Tổ 9, khu phố Tân Cang, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 43 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 tháng đến 48 tháng.

Chi phí quyền sử dụng thương hiệu

Chi phí quyền sử dụng thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dục 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 05
Máy móc và thiết bị	02 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 – 11

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân	Quan hệ
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 13/02/2025)
Nguyễn Xuân Thanh	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 23/11/2024)
Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 23/11/2024)
Vũ Đức Đạt	Tổng giám đốc (miễn nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 13/02/2025)
Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT -TGĐ (bổ nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT
Nghiêm Đức Thuấn	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm 12/04/2024)
Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 06/05/2024)
Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS (miễn nhiệm 22/06/2024)
Trần Thị Kim Dung	Trưởng BKS (bổ nhiệm 22/06/2024)
Lê Thị Loan	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm 30/06/2023)
Trần Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm 22/06/2024)
Lưu Thị Kim Dung	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 22/06/2024)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 30/06/2023)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.258.911.427	7.698.335.234
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.232.520.200	15.579.265.286
Các khoản tương đương tiền (i)	87.045.789.702	23.788.227.403
	105.537.221.329	47.065.827.923

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	8.618,44	218.129.837
	8.618,44	218.129.837

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển. Tại ngày 31/12/2024, Các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 79.105.510.250 VND.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	84.076.975.267	84.076.975.267	96.657.039.267	96.657.039.267
	84.076.975.267	84.076.975.267	96.657.039.267	96.657.039.267

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại. Tất cả các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	16.496.363.636	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Bắc Ninh	3.936.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	2.915.116.710	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Trung Thành	1.910.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp PDF Việt Nam	-	6.804.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	4.822.289.640
Các khách hàng khác	11.163.038.898	15.353.192.979
	36.420.519.244	26.979.482.619

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Lonking Việt Nam	9.949.826.235	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Call Me	3.980.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Nga Phú	1.464.000.000	1.230.000.000
Công ty TNHH UFO Việt Nam	1.185.000.000	-
Công ty cổ phần thiết bị 365	150.000.000	7.350.312.998
Shaanitonly Heavy Industries	-	2.727.125.675
Các nhà cung cấp khác	1.510.856.689	3.942.520.416
	20.239.682.924	15.249.959.089

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	15.000.000.000	-	-	-
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	11.648.816.384	-	7.012.773.229	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Thăng Long (i)	1.102.000.000	-	4.417.423.750	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (i)	6.646.418.500	-	175.993.527	-
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (i)	-	-	114.884.001	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm (i)	401.927.536	-	1.117.483.950	-
Tạm ứng nhân viên	2.430.246.672	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.068.223.676	-	1.186.988.001	-
	26.648.816.384	-	7.012.773.229	-

(i) Đây là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thực hiện các hợp đồng vay tại ngân hàng thương mại với giá trị là 7.940.279.452 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ (i)	618.709.500	-	976.696.900	-
	618.709.500	-	976.696.900	-

(i) Đây là các khoản ký cược ký quỹ dài hạn tại các công ty cho thuê tài chính để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê và bên thuê đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty thuê mua tài chính sẽ hoàn trả tiền ký quỹ cho Bên thuê.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.365.917.480	-	1.583.051.955	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	185.185.185	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.629.993.113	-	8.678.631.793	-
Hàng hóa	158.788.513.423	(1.586.434.957)	116.973.437.461	-
	177.784.424.016	(1.586.434.957)	127.420.306.394	

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuê văn phòng	120.000.000	-
Chi phí sửa chữa kho bãi	977.458.007	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.688.105	171.122.479
	1.348.146.112	171.122.479

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí quyền sử dụng thương hiệu (*)	20.213.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	313.507.798	275.900.586
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.527.085	-
	20.542.034.883	275.900.586

(*) Thực hiện theo hợp đồng ngày 25/10/2024 và giấy chứng nhận ngày 01/11/2024 về việc sử dụng thương hiệu XCMG trong vòng 5 năm kể từ năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dục 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	1.755.995.390	40.305.141.253	27.009.063.272	424.855.000	422.259.273	69.917.314.188
Mua trong năm	-	4.892.917.102	711.026.909	-	93.600.000	5.697.544.011
Giảm do thanh lý	-	(18.838.439.850)	(4.104.772.727)	-	(255.000.000)	(23.198.212.577)
Tại ngày 31/12/2024	1.755.995.390	26.359.618.505	23.615.317.454	424.855.000	260.859.273	52.416.645.622
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	1.279.522.708	27.446.047.901	13.012.837.281	374.235.898	422.259.273	42.534.903.061
Khấu hao trong năm	290.645.183	4.693.165.127	2.549.321.334	31.088.921	9.402.800	7.573.623.365
Giảm do thanh lý	-	(12.504.802.081)	(4.104.772.727)	-	(255.000.000)	(16.864.574.808)
Tại ngày 31/12/2024	1.570.167.891	19.634.410.947	11.457.385.888	405.324.819	176.662.073	33.243.951.618
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	476.472.682	12.859.093.352	13.996.225.991	50.619.102	-	27.382.411.127
Tại ngày 31/12/2024	185.827.499	6.725.207.558	12.157.931.566	19.530.181	84.197.200	19.172.694.004

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.889.628.070 VND

Tại ngày 31/12/2024, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.401.825.922 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	16.243.959.421	16.243.959.421
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(7.245.454.545)	(7.245.454.545)
Tại ngày 31/12/2024	<u>8.998.504.876</u>	<u>8.998.504.876</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2.478.846.307	2.478.846.307
Khấu hao trong năm	1.268.070.808	1.268.070.808
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.569.936.352)	(2.569.936.352)
Tại ngày 31/12/2024	<u>1.176.980.763</u>	<u>1.176.980.763</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	13.765.113.114	13.765.113.114
Tại ngày 31/12/2024	<u>7.821.524.113</u>	<u>7.821.524.113</u>

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	45.500.000.000	64.395.000	45.564.395.000
Thanh lý, nhượng bán	(45.500.000.000)	-	(45.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	<u>-</u>	<u>64.395.000</u>	<u>64.395.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	-	53.623.650	53.623.650
Khấu hao trong năm	-	10.771.350	10.771.350
Tại ngày 31/12/2024	<u>-</u>	<u>64.395.000</u>	<u>64.395.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	45.500.000.000	10.771.350	45.510.771.350
Tại ngày 31/12/2024	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 64.395.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.11 Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

	Nhà và Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tồn thất do suy giảm giá trị (*)		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	30.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	30.000.000.000	30.000.000.000

Tại ngày 31/12/2024, Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 30.000.000.000 VND.

(*) Bất động sản đầu tư này được Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Ban Tổng Giám đốc đánh giá bất động sản này tại thời điểm ngày 31/12/2024 và đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này không suy giảm giá trị nên Công ty không ước tính tổn thất.

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2024 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.527.009.316	(711.026.909)	815.982.407

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Xuzhou Construction Machinery Group Im & Ex (XCMG)	90.290.512.298	90.290.512.298	23.555.859.090	23.555.859.090
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Miền Bắc Lonking (Fujian)	16.374.363.636	16.374.363.636	-	-
International Trade Co., Ltd	11.509.889.982	11.509.889.982	-	-
Z-Ton Group Corp	2.299.590.000	2.299.590.000	2.510.462.563	2.510.462.563
Các nhà cung cấp khác	16.333.971.014	16.333.971.014	4.475.873.481	4.475.873.481
	136.808.326.930	136.808.326.930	30.542.195.134	30.542.195.134

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons	14.359.018.900	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	2.095.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Thăng Hải	1.810.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	-	1.648.399.999
CN Công ty TNHH SX TMDV Komarc Games VN	-	1.668.228.000
Ông Đỗ Văn Chức	-	10.000.000.000
Các khách hàng khác	5.687.692.000	11.467.718.865
	23.951.710.900	24.784.346.864

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2024 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp/ được khấu trừ VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.178.739.806	65.279.063.883	64.916.069.072	1.541.734.617
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	31.097.297.245	31.097.297.245	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.188.158	32.188.158	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.242.613.837	5.670.959.685	5.252.613.837	4.660.959.685
Thuế thu nhập cá nhân	829.585.432	1.680.805.473	1.466.220.547	1.044.170.358
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	6.250.939.075	103.764.314.444	102.768.388.859	7.246.864.660

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.705.898.576	21.252.528.526
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.648.899.849	460.540.660
Chi phí không được trừ	4.648.981.552	539.880.803
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	1.586.434.957	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(81.703)	(79.340.143)
Lãi chênh lệch tỷ giá	(81.703)	(79.340.143)
Thu nhập chịu thuế	28.354.798.425	21.713.069.186
Thu nhập tính thuế	28.354.798.425	21.713.069.186
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.670.959.685	4.342.613.837

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

5.16 Phải trả người lao động

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền lương phải trả	357.959.000	691.000.000
	357.959.000	691.000.000

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	68.827.988	120.158.580
	68.827.988	120.158.580

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	3.520.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	250.000.000
	-	3.770.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	48.330.578.247	48.330.578.247	49.513.512.017	49.513.512.017
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	12.525.621.496	12.525.621.496	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển (2)	35.804.956.751	35.804.956.751	18.676.445.650	18.676.445.650
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	1.138.250.772	1.138.250.772
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	12.906.815.595	12.906.815.595
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	16.792.000.000	16.792.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.601.460.121	3.601.460.121	7.357.965.309	7.357.965.309
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.605.175.008	1.605.175.008	1.605.175.008	1.605.175.008
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	340.810.821	340.810.821
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội	1.996.285.113	1.996.285.113	3.387.504.480	3.387.504.480
Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	1.060.875.000	1.060.875.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chaillease - CN Hà Nội	-	-	963.600.000	963.600.000
	51.932.038.368	51.932.038.368	56.871.477.326	56.871.477.326

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2024 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.513.512.017	183.677.755.721	-	(184.860.689.491)	48.330.578.247
Vay dài hạn đến hạn trả	7.357.965.309	-	3.913.757.733	(7.670.262.921)	3.601.460.121
	56.871.477.326	183.677.755.721	3.913.757.733	(192.530.952.412)	51.932.038.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.776.473.289	2.776.473.289	6.882.834.499	6.882.834.499
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	1.348.014.561	1.348.014.561	2.953.189.569	2.953.189.569
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	170.810.787	170.810.787
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (4)	1.428.458.728	1.428.458.728	3.737.041.453	3.737.041.453
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease - CN Hà Nội	-	-	21.792.690	21.792.690
	2.776.473.289	2.776.473.289	6.882.834.499	6.882.834.499

Tổng nợ thuê tài chính đã thanh toán như sau:

	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Năm 2024		
Tiền gốc đã trả	5.746.069.782	5.746.069.782
Lãi thuê đã trả	618.341.230	618.341.230
Nợ thuê tài chính phải trả	6.364.411.012	6.364.411.012
Năm 2023		
Tiền gốc đã trả	16.152.887.990	16.152.887.990
Lãi thuê đã trả	1.293.554.919	1.293.554.919
Nợ thuê tài chính phải trả	17.446.442.909	17.446.442.909

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2024 VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	31/12/2024 VND
Vay dài hạn ngân hàng	3.124.000.356	(170.810.787)	(1.605.175.008)	1.348.014.561
Nợ thuê tài chính	3.758.834.143	(21.792.690)	(2.308.582.725)	1.428.458.728
	6.882.834.499	(192.603.477)	(3.913.757.733)	2.776.473.289

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuyết minh chi tiết các khoản vay, nợ thuê tài chính:

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 198/2024/HDTD/TTKD HKM ngày 29 tháng 05 năm 2024 từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Hạn mức vay: 250.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại máy công trình, xe/máy chuyên dụng của khách hàng.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.
Lãi suất vay: Theo thỏa thuận của các giấy nhận nợ, khế ước.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp bằng tài sản của công ty gồm các xe ô tô.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 215.032/24/DN ngày 15 tháng 04 năm 2024 từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Hạn mức vay: 70.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C, phát hành bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn).
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
Lãi suất vay: Theo thỏa thuận của các giấy nhận nợ, khế ước.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 63, 64, tờ bản đồ 34 tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(3) Là khoản vay theo các hợp đồng cho vay số 244/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 30/09/2022, số 208/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 14/09/2022, số 277/2023/HDTD/TTKD HKM ngày 04/10/2023 và số 248/2022/HDTD/TTKD HKM ngày 04/10/2022 từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Hạn mức vay: 6.420.700.000 VND.
Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh.
Thời hạn vay: 48 tháng.
Lãi suất vay: 10% - 12,45%/năm.
Hình thức đảm bảo: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.2023/HĐCTTC-911 ngày 15/02/2023 từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội:

Mục đích vay: Ô tô bơm bê tông hiệu HUYNDAI.
Số tiền cho thuê: 4.542.697.500 VND.
Lãi suất vay: Bơm bê tông.
Hình thức đảm bảo: 24 tháng.

Là khoản vay theo hợp đồng cho thuê tài chính số 14.1223/HĐCTTC-911 ngày 21/12/2023 từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội

Mục đích vay: Ô tô bơm bê tông hiệu MERCEDES-BENZ.
Số tiền cho thuê: 4.285.360.000 VND.
Lãi suất vay: Bơm bê tông.
Hình thức đảm bảo: 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.20 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2023			
Tại ngày 01/01/2023	240.000.000.000	63.644.537.910	303.644.537.910
Lãi trong năm	-	16.909.914.689	16.909.914.689
Trả cổ tức	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	240.000.000.000	68.554.452.599	308.554.452.599
Năm 2024			
Tại ngày 01/01/2024	240.000.000.000	68.554.452.599	308.554.452.599
Lãi trong năm	-	18.034.938.891	18.034.938.891
Trả cổ tức	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	240.000.000.000	74.589.391.490	314.589.391.490

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Lưu Đình Tuấn	50.000.000.000	20,83%	50.000.000.000	20,83%
Ông Nguyễn Xuân Thanh	22.809.110.000	9,50%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Hải	17.479.000.000	7,28%	-	0,00%
Ông Nguyễn Mạnh Hải	13.505.000.000	5,63%	-	0,00%
Mirae Asset Daewoo Co.,Ltd	12.949.000.000	5,40%	-	0,00%
Các cổ đông khác	123.257.890.000	51,36%	190.000.000.000	79,17%
	240.000.000.000	100%	240.000.000.000	100%

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT-911 ngày 22 tháng 06 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận. Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông: VND
12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	8.618,44	9.066,21

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	799.512.249.691	606.951.150.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.833.188.745	4.546.220.542
	802.345.438.436	611.497.370.615

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng bán	742.193.960.583	566.641.576.940
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.436.250.575	10.029.005.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.586.434.957	-
	749.216.646.115	576.670.582.359

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	6.329.811.037	28.233.438.040
Lãi chênh lệch tỷ giá	853.402.192	1.184.935.336
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.953.643.518	8.115.274.221
	16.136.856.747	37.533.647.597

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	5.011.264.093	10.452.326.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.816.056.028	13.440.492.007
	11.827.320.121	23.892.818.532

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	8.715.972.000	6.299.679.000
Chi phí nguyên vật liệu	366.368.666	202.989.028
Chi phí khấu hao	550.232.700	551.232.700
Chi phí bảo hành	844.462.481	638.252.547
Chi phí dịch vụ	4.236.352.195	1.670.889.093
Chi phí bằng tiền khác	463.982.808	65.864.607
	15.177.370.850	9.428.906.975

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	4.459.219.926	4.901.916.633
Chi phí nguyên vật liệu	413.409.648	968.293.379
Chi phí khấu hao	1.942.687.311	1.746.799.119
Thuế, phí, lệ phí	2.662.989.414	2.887.088.765
Chi phí dịch vụ	7.661.176.018	8.592.491.236
Chi phí bằng tiền khác	1.599.095.273	19.990.100
	18.738.577.590	19.116.579.232

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.325.116.436	1.612.213.455
Thu nhập do thanh toán chậm hợp đồng	-	374.351.700
Thu nhập khác	4.773.614	7.282.504
	1.329.890.050	1.993.847.659

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phạt vi phạm hành chính chậm nộp thuế	559.915.654	73.425.619
Chi phí khấu hao không phù hợp với doanh thu	467.712.498	466.434.595
Chi phí phạt do chậm bàn giao hàng hóa	-	123.569.444
Chi phí khác	118.743.829	20.589
	1.146.371.981	663.450.247

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.034.938.891	16.909.914.689
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.034.938.891	16.909.914.689
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	751	705

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.175.191.926	11.201.595.633
Chi phí nhân công	732.360.009.866	479.201.138.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.384.753.025	12.397.623.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.917.328.625	75.745.039.622
Chi phí khác	5.072.993.778	3.025.396.705
	831.910.277.220	581.570.794.297

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị các khoản tiền và tương đương tiền (i)	87.045.789.702	23.788.227.403

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển. Các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 79.105.510.250 VND.

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	183.677.755.721	212.368.428.680

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(186.977.486.107)	(217.693.420.133)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(5.746.069.782)	(16.152.887.990)
	<u>(192.723.555.889)</u>	<u>(233.846.308.123)</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.537.221.329	-	105.537.221.329
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	84.076.975.267	-	84.076.975.267
Phải thu khách hàng	36.420.519.244	-	36.420.519.244
Phải thu khác	9.218.569.712	618.709.500	9.837.279.212
	235.253.285.552	618.709.500	235.871.995.052
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.065.827.923	-	47.065.827.923
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.657.039.267	-	96.657.039.267
Phải thu khách hàng	26.979.482.619	-	26.979.482.619
Phải thu khác	7.012.773.229	976.696.900	7.989.470.129
	177.715.123.038	976.696.900	178.691.819.938

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay	51.932.038.368	2.776.473.289	54.708.511.657
Phải trả người bán	136.808.326.930	-	136.808.326.930
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	68.827.988	-	68.827.988
	188.809.193.286	2.776.473.289	191.585.666.575
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay	56.871.477.326	6.882.834.499	63.754.311.825
Phải trả người bán	30.542.195.134	-	30.542.195.134
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	3.890.158.580	-	3.890.158.580
	91.303.831.040	6.882.834.499	98.186.665.539

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.537.221.329	47.065.827.923	105.537.221.329	47.065.827.923
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	84.076.975.267	96.657.039.267	84.076.975.267	96.657.039.267
Phải thu khách hàng	36.420.519.244	26.979.482.619	36.420.519.244	26.979.482.619
Các khoản phải thu khác	9.837.279.212	7.989.470.129	9.837.279.212	7.989.470.129
	235.871.995.052	178.691.819.938	235.871.995.052	178.691.819.938
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	54.708.511.657	63.754.311.825	54.708.511.657	63.754.311.825
Phải trả người bán	136.808.326.930	30.542.195.134	136.808.326.930	30.542.195.134
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	68.827.988	3.890.158.580	68.827.988	3.890.158.580
	191.585.666.575	98.186.665.539	191.585.666.575	98.186.665.539

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong kỳ Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và không có phát sinh giao dịch của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 13/02/2025)	80.500.000	-
Lưu Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 23/11/2024)	1.176.241.000	352.001.000
Vũ Đức Đạt	Tổng giám đốc (miễn nhiệm 12/04/2024)	105.000.000	394.804.000
Nguyễn Thị Thơm	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 13/02/2025)	125.269.000	304.069.000
Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT - TGD (bổ nhiệm 12/04/2024)	527.059.000	445.643.500
Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT	754.736.000	606.723.000
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT	199.538.000	199.710.000
Nghiêm Đức Thuần	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 12/04/2024)	446.098.000	-
Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 06/05/2024)	341.029.000	-
Đàm Thị Việt Anh	Trưởng BKS (miễn nhiệm 22/06/2024)	116.500.000	376.730.500
Lê Thị Loan	TV BKS (bổ nhiệm 30/06/2023)	20.770.000	-
		3.892.740.000	2.679.681.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911

Thôn Phú Dực 1, Xã Phú Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-
Công nợ với các bên liên quan khác:		
	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Ông Lưu Đình Tuấn – Tạm ứng thực hiện công việc	15.000.000.000	-

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn máy móc thiết bị và Công ty chỉ tập trung hoạt động ở Việt Nam, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận, nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9.5 Thông tin khác

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2024/NQ-HĐQT-911 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô và dịch vụ cho thuê pin với công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast với giá trị hợp đồng là 44.999.683.824 VND và đã bắt đầu thực hiện trong quý IV năm 2024.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2025/NQ-HĐQT-911 ngày 14 tháng 01 năm 2025, Công ty đã góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND, trong đó công ty góp là 13.000.000.000 VND (chiếm 65% vốn điều lệ).



ĐẶNG THỊ HUYỀN NGỌC
Người lập



ĐOÀN THỊ LOAN
Kế toán trưởng

